UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 193/QĐ-UBND	*Gia Bình, ngày 09 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Biên bản số 01/BB-HĐTCPL, ngày 06/02/2023 của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật huyện Gia Bình;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 14 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 (*có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND - UBND huyện, phòng Tư pháp, các cơ quan liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Tư pháp tỉnh (b/c);
- Thường trực HU-HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Cổng TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TP.

CHỦ TỊCH

Ủy ban Nhân dân huyện Gia Bình
Tỉnh Bắc Ninh

Đặng Đình Mạch

DANH SÁCH XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 193/QĐ - UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2023

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gia Bình)

Ủy ban Nhân dân huyện Gia Bình
Tỉnh Bắc Ninh

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG ĐIỂM	TIÊU CHÍ 1	TIÊU CHÍ 2	TIÊU CHÍ 3	TIÊU CHÍ 4	TIÊU CHÍ 5
1	**Quỳnh Phú**	**87,00**	10,00	22,00	13,50	18,00	23,50
2	**Cao Đức**	**86,50**	10,00	19,50	14,50	19,00	23,50
3	**Thị Trấn**	**86,50**	10,00	24,00	10,50	19,00	23,00
4	**Đại Lai**	**85,50**	10,00	21,50	12,00	19,00	23,00
5	**Đại Bái**	**85,00**	10,00	21,50	12,50	18,00	23,00
6	**Đông Cứu**	**85,00**	10,00	21,00	10,00	20,00	24,00
7	**Giang Sơn**	**85,00**	10,00	25,00	8,00	19,00	23,00
8	**Thái Bảo**	**85,00**	10,00	21,50	13,00	17,00	23,50
9	**Vạn Ninh**	**84,50**	10,00	24,50	8,50	18,00	23,50
10	**Lãng Ngâm**	**83,75**	10,00	22,00	9,75	19,00	23,00
11	**Xuân Lai**	**83,50**	10,00	21,50	10,00	19,00	23,00
12	**Bình Dương**	**83,00**	10,00	23,00	12,00	20,00	18,00
13	**Nhân Thắng**	**83,00**	10,00	22,50	7,50	19,00	24,00
14	**Song Giang**	**83,00**	10,00	25,00	10,00	19,00	19,00